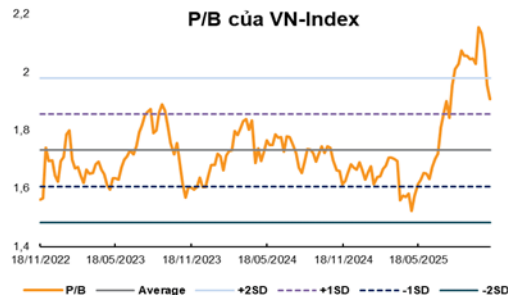
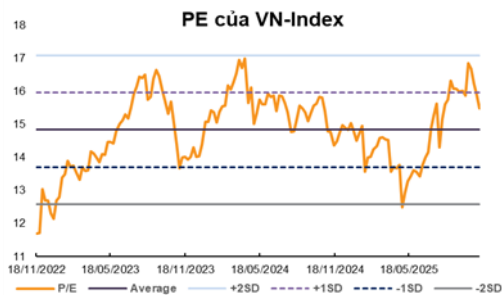
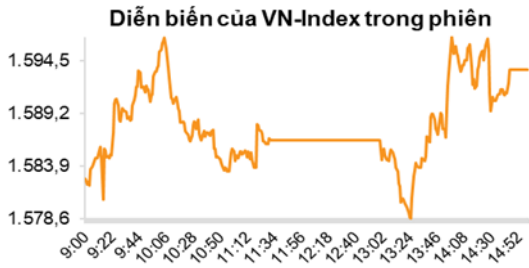


**KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
☎️ +84 2439724568  
✉️ Research@vndirect.com.vn  
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.691,0	259,9	119,0
1 ngày (%)	0,4	-0,6	-0,3
1 tháng (%)	0,6	-2,6	7,2
Từ 2025	33,5	14,3	25,2
1 Năm (%)	36,1	16,3	28,8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	7.456	412	906
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,9	0,9	0,3
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg



**Thị trường chứng khoán**

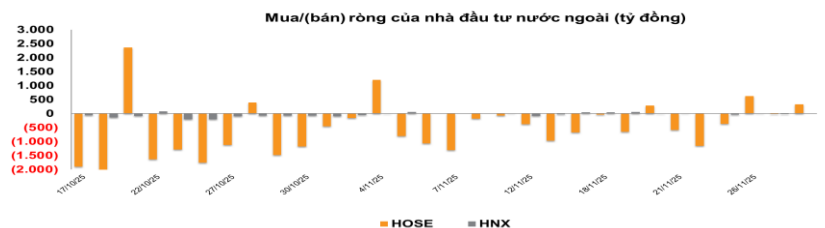
**Nhóm Vingroup tiếp tục giữ lại sắc xanh cho thị trường**

Thị trường duy trì diễn biến "xanh vỏ đỏ lòng" khi nhóm cổ phiếu Vingroup duy trì đà tăng và kéo mạnh chỉ số. Trong khi thị trường chung vẫn giữ sắc đỏ là chủ đạo trước tâm lý thận trọng của nhà đầu tư thị trường. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index ghi nhận mức tăng 6,67 điểm (+0,40%), đóng cửa tại mốc 1.690,99 điểm. Thị trường nghiêng hẳn về số mã giảm điểm với tỷ lệ mã tăng/giảm/giảm giá là 106/185.

Đồng pha với chỉ số chung, chỉ số VN30 ghi nhận mức tăng nhẹ 2,74 điểm (+0,14%), lên mức 1.923,92 điểm. Tuy nhiên số lượng mã giảm giá cũng chiếm ưu thế với 17 mã, áp đảo so với 10 mã tăng. Động lực dẫn dắt thị trường hôm nay tập trung chủ yếu vào cổ phiếu VIC khi cổ phiếu này bật tăng ấn tượng +5,0%, đóng vai trò là lực kéo chính cho chỉ số. Ngoài ra, các cổ phiếu khác như GAS (+1,6%), GVR (+1,5%) và MSN (+1,7%) cũng góp phần củng cố đà tăng. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu VJC (-2,8%) giảm sâu nhất trong rổ VN30, theo sau là SSI (-2,4%), STB (-1,5%) và VNM (-1,3%). Về nhóm ngành, điểm sáng thuộc về nhóm Bất động sản với mức tăng của ngành đạt 2,42% nhờ hiệu ứng từ nhóm Vingroup. Nhóm Dầu khí và Hóa chất, nhờ GVR, cũng giữ được sắc xanh nhẹ. Áp lực bán lan rộng hầu hết các nhóm ngành còn lại, mức giảm mạnh ghi nhận ở nhóm Công nghệ (-2,12%), tiếp đến là Hóa chất (-1,28%), Tài nguyên (-1,16%), Hàng hóa dịch vụ công nghiệp (-1,16%), và Nhóm Dịch vụ tài chính (-1,04%).

Thanh khoản khớp lệnh sàn HSX đạt hơn 18,3 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với phiên trước đó tuy nhiên vẫn thấp hơn 9% so với thanh khoản trung bình 20 phiên gần nhất. Chỉ số chung tiếp tục bị nhiễu bởi lực kéo của một số cổ phiếu trụ. Trong bối cảnh nhà đầu tư còn nhiều thận trọng và dòng tiền còn yếu chúng tôi cho rằng Vn-Index có thể chịu áp lực điều chỉnh và rung lắc khi tiệm cận vùng 1.700 điểm. Theo đó nhà đầu tư nên duy trì chiến lược giao dịch thận trọng. Đối với danh mục có tỷ trọng cổ phiếu cao, nên canh các nhịp hồi phục để cơ cấu lại, ưu tiên nắm giữ các mã có câu chuyện tăng trưởng riêng biệt và giảm tỷ trọng các mã đang suy yếu kỹ thuật. Đồng thời kiểm soát tỷ lệ đòn bẩy margin ở ngưỡng an toàn. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao, nên kiên nhẫn quan sát. Chỉ mở vị thế mua mới, giải ngân thăm dò với tỷ trọng nhỏ tại các vùng hỗ trợ mạnh đối với các cổ phiếu mạnh hơn thị trường chung hoặc nền tảng tích lũy tốt và tránh mua đuổi cổ phiếu.

Ngành	Tỷ trọng VN Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)			% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2025	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,9	231,5	3,6	2,2	-6,9	18,9	20,6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,1	27,2	2,9	0,9	-3,7	8,2	8,8
Năng lượng	2,1	27,5	1,4	1,1	-5,7	-7,8	-11,1
Tài chính	41,1	11,3	1,8	1,8	-9,9	26,1	30,9
Chăm sóc sức khỏe	0,5	21,3	2,7	1,1	0,0	1,8	7,5
Công nghiệp	9,1	43,6	5,1	2,8	0,8	77,1	79,9
Công nghệ thông tin	2,6	19,0	4,6	4,4	-4,0	-22,4	-15,0
Vật liệu xây dựng	6,6	15,9	1,7	1,6	-4,4	8,3	5,0
Bất động sản	22,9	61,4	3,8	4,3	-2,3	251,9	251,7
Dịch vụ tiện ích	3,9	14,6	2,0	1,0	-0,6	-1,7	-1,3



**Điểm tin**

**Tin vĩ mô thế giới**

- Anh: Bộ trưởng Tài chính Anh Rachel Reeves vừa công bố kế hoạch ngân sách mới, theo đó Chính phủ dự kiến tăng thu thuế thêm 26 tỷ bảng Anh, nhằm tăng chi cho phúc lợi xã hội và ngân sách dự phòng để ứng phó với các cú sốc kinh tế có thể xảy ra trong tương lai.
- Nga-Ukraine: Tổng thống Vladimir Putin hôm 27/11 cho biết bản dự thảo hòa bình do Mỹ và Ukraine đề xuất “có thể là cơ sở cho một thỏa thuận hòa bình tương lai.

**Tin vĩ mô trong nước**

- Ngày 27/11/2025, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình cùng Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã chủ trì cuộc họp với các bộ, ngành và năm doanh nghiệp đăng ký tham gia dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc-Nam—gồm các đơn vị như VinSpeed, THACO, Tập đoàn Discovery, Công ty Vận tải đường sắt Việt Nam...
- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Thông tư 33/2025/TT-BKHCN, theo đó mức chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực điện tử được điều chỉnh giảm từ 3% xuống còn 2% doanh thu thuần bình quân, hoặc tối thiểu 200 tỷ đồng mỗi năm.
- Hà Nội vừa chính thức thông qua kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2026 tại kỳ họp HĐND thành phố, đặt mục tiêu: GRDP tăng 11%; GRDP/người đạt 198 triệu đồng; vốn đầu tư thực hiện 730 nghìn tỉ đồng; kim ngạch xuất khẩu tăng 12%;...

**Tin ngành và doanh nghiệp**

- **CII – Được giao triển khai dự án PPP mở rộng cao tốc HCM–Trung Lương–Mỹ Thuận trị giá gần 36,2 nghìn tỷ đồng, chuẩn bị trở thành nhà thầu hạ tầng giao thông trọng điểm giai đoạn 2025–2028.**  
 Bộ Xây dựng đã phê duyệt dự án mở rộng tuyến cao tốc TP.HCM–Trung Lương–Mỹ Thuận (96 km) với tổng vốn đầu tư 36.200 tỷ đồng (~1,38 tỷ USD), theo hình thức PPP. Liên danh thực hiện gồm CII–HUT–Đèo Cả, trong đó CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) giữ vai trò quan trọng nhờ kinh nghiệm ở các dự án BOT giao thông và năng lực huy động vốn ổn định. Dự án dự kiến khởi công từ Q4/25 và hoàn thành năm 2028, đóng vai trò then chốt trong chiến lược giảm ùn tắc cửa ngõ phía Nam và kết nối Đồng bằng sông Cửu Long.
- **POW – Lợi nhuận 2026 có thể giảm dù sản lượng điện tăng, do rủi ro thời tiết cực đoan**  
 Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW) dự báo năm 2026 sản lượng điện tăng nhưng lợi nhuận có thể thấp hơn mức kỷ lục 2025 (2,182 tỷ đồng) do thời tiết cực đoan ảnh hưởng huy động công suất, chi phí nhiên liệu và biên lợi nhuận.
- **THA – Điều chỉnh vốn điều lệ, chuẩn bị tăng thêm 10.130 tỷ đồng**  
 Trường Hải Auto Corporation (THACO) vừa thông báo giảm vốn điều lệ 120 tỷ đồng, từ 30.510 tỷ xuống 30.389 tỷ đồng do các cổ đông nội bộ bán lại cổ phần, đồng thời công bố kế hoạch tăng vốn thêm 10.130 tỷ đồng bằng phát hành cổ tức cổ phần (tỷ lệ 3:1). Theo công ty, các bước điều chỉnh này nhằm tối ưu hóa quản trị, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và chuẩn bị nguồn lực tài chính cho các dự án mở rộng sản xuất, công nghiệp, nông nghiệp, hạ tầng và logistics.

**Thị trường tiền tệ và hàng hoá**

- Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục bơm ròng ngày 28/11 nhưng khối lượng bơm ròng đã giảm đáng kể chỉ còn 145 tỷ đồng. Tính chung tuần 24/11 – 28/11, NHNN đã bơm ròng 73,9 nghìn tỷ, nâng tổng giá trị hợp đồng reverse repo đang lưu hành trên OMO lên mức kỷ lục 314 nghìn tỷ. Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ nhưng vẫn còn khá cao phản ánh lực thanh khoản tiếp diễn.
- Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 10 đồng so với hôm qua còn 23,364 đồng trong bối cảnh thị trường kỳ vọng Fed sẽ hạ lãi trong kỳ họp tháng 12 tới với xác suất là 85%.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,18	0,0	1,5	38,6	64,6
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/n	6,10	0,0	29,8	58,4	31,2
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/nă	6,11	1,3	19,8	23,4	30,0
USD/VND	26.348	-0,1	0,0	-3,3	-3,8
DXY	99,61	0,2	0,6	-8,2	-6,0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,08	-0,8	1,3	-10,6	-7,7
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,55	-1,0	1,2	-16,9	-17,4

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.130,70	0,3	3,9	56,4	58,5
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	60,60	-0,7	2,9	-15,5	-11,0
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	64,73	-0,7	3,2	-13,3	-10,0
Thép (USD/tấn)	446,1	0,0	-1,5	-10,3	-13,3
Thịt heo (USD/kg)	1,7	-1,3	7,8	-23,8	-28,1
Gao (USD/tấn)	468,8	2,1	-3,2	-26,3	-29,0
Phân urea (USD/tấn)	372,5	0,7	0,0	17,3	14,6

**Lịch sự kiện quan trọng trong tuần**

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Chủ Nhật 30/11/2025	Trung Quốc	Chỉ số PMI sản xuất, PMI dịch vụ tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Hàng không</b>										
ACV	7.410	1,7	3.436	54.500	73.300	35,5%	1,0%	18,3	2,9	17%
AST	125	0,0	5	73.100	85.400	20,2%	3,4%	16,7	5,7	36%
HVN	3.484	2,0	726	29.500	43.400	49,2%	2,1%	9,8	16,4	
VJC	3.593	13,8	817	174.800	113.600	-34,4%	0,6%	60,2	4,2	8%
<b>Bán lẻ</b>										
BAF	373	3,8	176	32.300	33.300	3,1%		17,5	2,3	13%
DGW	342	3,2	101	40.700	49.600	23,1%	1,2%	16,8	2,7	17%
FRT	924	3,1	153	142.900	150.300	5,4%	0,2%	39,5	7,9	25%
MCH	8.795	2,8	3.057	219.300	147.000	-31,8%	1,1%	33,1	14,5	44%
MWG	4.495	25,6	109	80.100	96.300	21,5%	1,2%	20,3	3,8	20%
PNJ	1.152	2,4	0	89.000	109.900	25,1%	1,6%	13,3	2,5	21%
QNS	618	0,3	252	44.300	53.400	22,8%	2,3%	7,2	1,4	20%
SAB	2.295	1,4	953	47.150	59.900	31,3%	4,2%	14,3	2,7	18%
VHC	497	3,4	400	58.400	71.300	25,5%	3,4%	8,4	1,3	17%
VNM	4.799	10,8	2.444	60.500	74.800	28,3%	4,7%	16,3	3,7	24%
<b>Tài chính</b>										
ACB	4.913	17,5	29	25.200	31.300	27,7%	3,5%	7,4	1,4	20%
BID	10.233	9,4	1.310	38.400	47.200	24,1%	1,2%	10,2	1,7	18%
CTG	9.966	20,7	444	48.900	49.000	1,1%	0,9%	7,9	1,6	22%
HDB	4.387	22,6	249	29.950	34.900	19,3%	2,8%	7,2	1,6	25%
LPB	5.510	6,0	218	48.600	33.400	-26,1%	5,1%	14,0	3,3	25%
MBB	7.245	36,5	191	23.700	32.900	40,9%	2,1%	7,9	1,5	21%
STB	3.552	20,6	489	49.650	45.700	-6,7%	1,2%	7,6	1,5	22%
TCB	9.359	30,4	11	34.800	40.300	18,7%	2,9%	11,2	1,5	14%
TPB	1.795	19,6	104	17.050	17.800	10,0%	5,6%	7,2	1,2	17%
VCB	18.869	16,6	1.605	59.500	69.300	17,2%	0,8%	14,2	2,2	17%
VIB	2.416	10,5	0	18.700	23.600	29,5%	3,3%	8,4	1,5	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.477	45,2	511	28.150	24.100	-12,6%	1,8%	10,8	1,5	14%
<b>Dệt may</b>										
MSH	169	0,4	76	39.500	40.600	12,9%	10,1%	8,6	2,2	27%
TCM	117	1,7	2	27.500	29.800	10,0%	1,7%	11,1	1,3	12%
<b>Khu công nghiệp</b>										
BCM	2.620	0,8	831	66.700	NA		1,5%	18,8	3,2	18%
GMD	1.010	7,6	59	62.400	72.000	18,6%	3,2%	20,4	2,1	12%
HAH	403	5,5	89	62.900	55.400	-10,7%	1,2%	9,1	2,6	30%
VSC	318	12,5	147	22.400	19.100	-12,5%	2,2%	18,5	1,6	9%
IDC	567	3,5	216	39.400	45.600	19,0%	3,3%	8,1	2,3	31%
KBC	1.194	11,8	460	33.400	30.000	-9,1%	1,1%	17,8	1,3	7%
PHR	285	0,7	101	55.500	68.400	20,1%	2,4%	14,8	2,0	13%
VTP	485	2,9	214	105.000	129.200	24,1%	1,0%	42,1	7,6	19%
<b>Tài nguyên cơ bản</b>										
DGC	1.441	7,2	536	100.000	128.300	31,3%	3,0%	12,8	2,4	20%
HPG	7.836	64,3	2.364	26.900	30.000	12,6%	1,1%	14,3	1,6	12%
<b>Dầu khí</b>										
BSR	3.003	11,0	1.457	15.800	NA		2,7%	38,2	1,4	4%
GAS	5.678	2,0	2.683	62.000	78.400	29,7%	3,3%	12,4	2,3	20%
OIL	420	0,5	25	10.700	14.800	40,7%	2,3%	33,9	1,1	3%
PLX	1.659	2,5	76	34.400	47.700	42,2%	3,5%	17,6	1,7	10%
PVD	514	6,6	225	24.350	27.850	24,6%	10,3%	15,0	0,8	6%
PVS	613	6,5	229	33.800	44.800	34,6%	2,1%	11,1	1,1	11%
PVT	317	2,2	127	17.750	23.400	33,1%	1,3%	7,7	1,0	14%
<b>Phân bón - Hóa chất</b>										
DPM	635	4,2	289	24.600	23.300	-1,8%	3,5%	27,8	1,5	6%
DCM	712	5,1	317	35.500	40.000	18,3%	5,6%	10,8	1,8	17%
DDV	169	1,5	77	30.500	39.700	33,1%	3,0%	26,5	2,5	10%
PLC	80	0,5	38	26.100	34.800	35,2%	1,9%	17,7	1,6	9%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Điện</b>										
POW	1.302	6,2	617	14.650	17.600	21,5%	1,4%	18,0	1,0	6%
<b>Điện và BĐS</b>										
HDG	442	6,7	130	31.450	37.400	20,2%	1,3%	33,5	1,9	3%
PC1	340	3,8	127	21.750	30.500			17,9	1,5	9%
REE	1.334	1,7	0	64.900	67.900	6,0%	1,3%	13,6	1,7	13%
<b>Bất động sản</b>										
DXG	746	21,4	209	19.300	18.300	5,2%	10,4%	47,3	1,6	3%
KDH	1.448	9,5	330	34.000	41.800	23,8%	0,9%	42,5	2,1	5%
NLG	678	5,8	28	36.800	42.200	18,7%	1,2%	19,1	1,6	9%
VHM	14.576	24,0	5.968	93.500	93.600			14,7	1,8	13%
VRE	2.790	13,8	945	32.350	32.000	2,2%	3,2%	15,1	1,6	11%
<b>Công nghệ</b>										
FPT	6.427	42,5	706	99.400	118.200	19,8%	0,9%	18,8	4,7	27%

### MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn

giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

### Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: +84 24 3972 4568  
Fax: +84 24 3972 4568

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
ĐT: +84 28 7300 0688  
Fax: +84 28 3914 6924

### Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,  
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng  
ĐT: +84 511 382 1111  
Fax: NA

### Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,  
Phường Trường Vinh, Nghệ An  
ĐT: +84 23 8730 2886  
Fax: NA

### Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,  
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ  
ĐT: +84 710 3766 959  
Fax: NA

### Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,  
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh  
ĐT: +84 98 8619 695  
Fax: NA

### Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành  
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa  
ĐT: +84 90 3255 202  
Fax: NA

### Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,  
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM  
ĐT: +84 27 4222 2659  
Fax: +84 27 4222 2660

### Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,  
Phường Nam Định, Ninh Bình  
ĐT: +84 22 8352 8819  
Fax: NA